

Số: 2200/QĐ-BVĐHYD

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 9 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu
Cung cấp và lắp đặt hệ thống lạnh nổi ống gió, hệ thống cấp thoát nước và
máy nước uống cho Phòng Hồi sức ghép tạng của Đơn vị Gây mê hồi sức
phẫu thuật tim mạch tại lầu 5, Khoa Niệu học chức năng tại lầu 12

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN ĐẠI HỌC Y DƯỢC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 3639/2000/QĐ-BYT ngày 18 tháng 10 năm 2000 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc thành lập Bệnh viện Đại học Y Dược TP HCM;

Căn cứ Quyết định số 3446/QĐ-BYT ngày 21 tháng 9 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc chuyển đổi loại hình hoạt động của Bệnh viện Đại học Y Dược TP HCM;

Căn cứ Quyết định số 727/QĐ-BYT ngày 15 tháng 3 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Bệnh viện Đại học Y Dược TP HCM;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Quyết định số 1679/QĐ-BVĐHYD ngày 04 tháng 8 năm 2022 của Giám đốc Bệnh viện Đại học Y Dược TP HCM về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu Cung cấp và lắp đặt hệ thống lạnh nổi ống gió, hệ thống cấp thoát nước và máy nước uống cho Phòng Hồi sức ghép tạng của Đơn vị Gây mê hồi sức phẫu thuật tim mạch tại lầu 5, Khoa Niệu học chức năng tại lầu 12;

Xét đề nghị của Tổ Chuyên gia tại Tờ trình số 02/TTr-TCG ngày 12 tháng 9 năm 2022 về việc đề nghị phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu Cung cấp và lắp đặt hệ thống lạnh nổi ống gió, hệ thống cấp thoát nước và máy nước uống cho Phòng Hồi sức ghép tạng của Đơn vị Gây mê hồi sức phẫu thuật tim mạch tại lầu 5, Khoa Niệu học chức năng tại lầu 12 và Báo cáo thẩm định số 02/BCTĐ-TTĐ ngày 12 tháng 09 năm 2022 của Tổ Thẩm định về việc thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu Cung cấp và lắp đặt hệ thống lạnh nổi ống gió, hệ thống cấp thoát nước và máy nước uống cho Phòng Hồi sức ghép tạng của Đơn vị Gây mê hồi sức phẫu thuật tim mạch tại lầu 5, Khoa Niệu học chức năng tại lầu 12.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu Cung cấp và lắp đặt hệ thống lạnh nổi ống gió, hệ thống cấp thoát nước và máy nước uống cho Phòng Hồi sức ghép tạng của Đơn vị Gây mê hồi sức phẫu thuật tim mạch tại lầu 5, Khoa Niệu học chức năng tại lầu 12 với các nội dung sau:

- Tên nhà thầu trúng thầu: Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ và Kỹ thuật Ánh Sáng Việt;
- Giá trúng thầu: 217.874.500 VND (*Bằng chữ: Hai trăm mười bảy triệu tám trăm bảy mươi bốn ngàn năm trăm đồng*);
Giá trên đã bao gồm thuế, phí và các chi phí có liên quan.
- Danh mục trúng thầu: Chi tiết theo phụ lục đính kèm;
- Loại hợp đồng: Trọn gói;
- Thời gian thực hiện hợp đồng: 90 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực;
- Nguồn vốn: Nguồn thu dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh.

Điều 2. Phòng Quản trị tòa nhà chịu trách nhiệm hoàn thiện hợp đồng đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Các Ông/Bà Trưởng phòng Hành chính, Trưởng phòng Tài chính Kế toán, Trưởng Đơn vị Quản lý đấu thầu, Trưởng Phòng Quản trị tòa nhà và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /s/ *Tiền*

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Lưu: VT, TCG (K09-005-nnvinh) (03).



Nguyễn Hoàng Bắc

PHỤ LỤC**Danh mục trúng thầu**

(Đính kèm theo Quyết định số 2200 /QĐ-BVĐHYD ngày 15 tháng 9 năm 2022)

STT	Tên danh mục	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
1	Quạt nổi ống gió, công suất 300/380 W, lưu lượng gió 1800/2100 m3/h	cái	2	6.489.000	12.978.000
2	Máy nước uống 3 vòi: nóng-nguội-lạnh	cái	1	16.500.000	16.500.000
3	Hộp chứa lọc HEPA kèm mặt nạ, thép không gỉ 430 Kích thước: 1289x680x400 mm	cái	2	8.925.000	17.850.000
4	Lọc HEPA H13 Kích thước: 1219x610x66 mm	cái	2	3.675.000	7.350.000
5	Miếng gió (louver 2 khung), thép không gỉ có cách nhiệt. Kích thước: 720x570x85/650x500x40 mm	cái	2	3.500.000	7.000.000
6	Hộp miệng gió có cách nhiệt. Kích thước: 660x510x350 mm	cái	2	719.000	1.438.000
7	Lọc bụi G4. Kích thước: 610x440x12 mm	cái	2	1.250.000	2.500.000
8	Cảm biến chênh áp	cái	1	5.255.000	5.255.000
9	Màn hình hiển thị độ chênh áp	cái	1	5.631.000	5.631.000
10	Đèn cảnh báo	cái	1	158.000	158.000
11	Ống gió có cách nhiệt. Kích thước: 350x300 mm	mét	8,5	541.000	4.598.500
12	Ống gió bít đầu có cách nhiệt. Kích thước: 350x300 mm	mét	7	641.000	4.487.000
13	Ống gió có cách nhiệt. Kích thước: 300x250 mm	mét	15,5	502.000	7.781.000
14	Ống gió mềm có cách nhiệt. Kích thước: D300 mm	mét	26	76.000	1.976.000
15	Mặt nạ gió 600x600 mm	cái	6	477.000	2.862.000



STT	Tên danh mục	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
16	Hộp mặt nạ có cách nhiệt 470x470x150 mm	cái	6	308.000	1.848.000
17	Gót vuông/tròn có cách nhiệt. Kích thước: 350x300/250 mm	cái	2	93.000	186.000
18	Gót vuông/tròn có cách nhiệt. Kích thước: 300x250/300 mm	cái	6	85.000	510.000
19	Gót vuông có cách nhiệt. Kích thước: 300x250 mm	cái	1	69.000	69.000
20	Co có cách nhiệt. Kích thước: 350x300/90 mm	cái	2	391.000	782.000
21	Co có cách nhiệt. Kích thước: 300x250/90 mm	cái	1	361.000	361.000
22	Tê có cách nhiệt. Kích thước: 350x300/350x300 mm, R200 mm	cái	1	500.000	500.000
23	Van chỉnh gió (VCD) có cách nhiệt. Kích thước: 350x300 mm	cái	2	356.000	712.000
24	Van chỉnh gió (VCD) có cách nhiệt. Kích thước: 300x250 mm	cái	2	320.000	640.000
25	Van chỉnh gió (VCD) có cách nhiệt. Kích thước: D300 mm	cái	2	271.000	542.000
26	Vòi nước cảm ứng tại đầu vòi (AC 200 V – 250 V/ DC 6 V)	cái	3	5.220.000	15.660.000
27	Vòi nước lạnh cho chậu rửa thép không gỉ	cái	1	917.000	917.000
28	Chậu rửa âm bàn 580x430x220 mm. Bao gồm giá đỡ	cái	1	1.860.000	1.860.000
29	Chậu rửa treo, kèm chân lửng kích thước: 500x460x462 mm	cái	2	2.450.000	4.900.000
30	Bồn cầu 2 khối	cái	1	3.396.000	3.396.000
31	Bộ xả chậu rửa sứ	cái	3	710.000	2.130.000
32	Bộ xả cho chậu rửa thép không gỉ	cái	1	655.000	655.000
33	Hộp đựng xà phòng cảm ứng 600 ml	cái	4	850.000	3.400.000

STT	Tên danh mục	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
34	Ống nước PPR Ø25 mm	mét	48	38.000	1.824.000
35	Van khóa PPR Ø25 mm	cái	2	295.000	590.000
36	Tê PPR Ø25 mm	cái	8	13.000	104.000
37	Co PPR Ø25 mm	cái	18	10.000	180.000
38	Co ren trong PPR Ø25 mm	cái	7	82.000	574.000
39	Van góc thép không gỉ Ø21 mm	cái	7	184.000	1.288.000
40	Đèn cực tím (UV) công suất khử trùng nước 0.7 m3/h. Bao gồm bộ nguồn	bộ	1	10.442.000	10.442.000
41	Bộ vỏ và lõi lọc thô đầu nguồn 4 cấp 10 inch	bộ	1	1.283.000	1.283.000
42	Vòi xịt 1.0 mét	cái	1	1.092.000	1.092.000
43	Thoát sàn thép không gỉ 120x120 mm	cái	1	171.000	171.000
44	Chậu rửa thép không gỉ 750x480x230 mm	cái	1	2.307.000	2.307.000
45	Giá đỡ chậu rửa thép không gỉ 750x480x820 mm	cái	1	990.000	990.000
46	Ống nước PVC Ø27 mm	mét	12,5	22.000	275.000
47	Co, tê, lõi PVC Ø27 mm	cái	14	13.000	182.000
48	Ống nước PVC Ø42 mm	mét	12	41.000	492.000
49	Co, tê, lõi PVC Ø42 mm	cái	23	24.000	552.000
50	Ống nước PVC Ø60 mm	mét	6	50.000	300.000
51	Co, lõi PVC Ø60 mm	cái	10	24.000	240.000
52	Co Y PVC Ø60/Ø42 mm	cái	1	29.000	29.000
53	Co Y PVC Ø90/Ø60 mm	cái	1	61.000	61.000
54	Chống hôi (con thỏ) PVC Ø60 mm	cái	1	93.000	93.000

STT	Tên danh mục	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
55	Dây cấp nước 50 cm	sợi	8	34.000	272.000
56	Ống nước Ø114 mm	mét	4	133.000	532.000
57	Co, co lơi Ø114 mm	cái	6	76.000	456.000
58	Nối thông tắc PVC Ø114 mm	cái	1	113.000	113.000
59	Vật tư phụ	hệ	1	12.000.000	12.000.000
60	Chi phí lắp đặt	gói	1	44.000.000	44.000.000
Tổng cộng					217.874.500